

Se → VĨ; A. THUẬN - NT
VĨ, VKS cấp huyện
Trang TTDTY.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /TB-VKS-DS

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 9 năm 2022



THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự theo thủ tục giám đốc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận thấy việc giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, giữa nguyên đơn, bà Trương Thị Hiếu, ông Nguyễn Bá Bằng với bị đơn, bà Phạm Thị Nhụng đã được xét xử tại Bản án dân sự phúc thẩm số 12/2021/DS-PT ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum có vi phạm, cần thông báo rút kinh nghiệm cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG VỤ ÁN.

Từ năm 2011 đến 2013, bà Trương Thị Hiếu cho bà Phạm Thị Nhụng vay tiền nhiều lần (25 lần), với tổng số tiền vay là 3.130.000.000 đồng (*Ba tỷ, một trăm, ba mươi triệu đồng*). Mỗi lần vay đều viết giấy ghi thời hạn trả, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, không ghi vào giấy vay. Riêng giấy vay tiền ngày 12/10/2012, thỏa thuận mức lãi suất 1%. Bà Nhụng đã trả cho bà Hiếu được 1.327.620.000 đồng, hiện còn nợ tiền gốc 1.802.380.000 đồng (*Một tỷ tám trăm linh hai triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng*) và tiền lãi.

Bà Nhụng thừa nhận 25 giấy vay tiền do bà Hiếu cung cấp là của Bà ký vay với lãi suất từ 12% đến 30%/tháng. Bà Nhụng khai đã trả cho bà Hiếu được 31 lần với tổng số tiền 3.283.781.000 đồng (*Ba tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn đồng*). Như vậy, Bà đã trả dư số tiền 153.871.000 đồng. Bà Nhụng không đồng ý tính lãi của bà Hiếu và đề nghị áp dụng hết thời hiệu tính lãi. Bà Nhụng có đơn phản tố đề nghị bà Hiếu trả lại cho Bà số tiền đã trả dư là 153.871.000 đồng và yêu cầu bà Hiếu trả nợ 100.000.000 đồng mà bà Hiếu đã mượn của Bà vào ngày 06/3/2013. Tổng cộng là 253.871.000 đồng.

II. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN

Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum quyết định:

“*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Hiếu và ông Nguyễn Bá Bằng.*

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị Nhụng.

Buộc bà Phạm Thị Nhun phải trả cho bà Trương Thị Hiếu và ông Nguyễn Bá Bằng số tiền 1.056.072.000 đồng”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo.

Bản án dân sự phúc thẩm số 12/2021/DS-PT ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

“Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Hiếu và ông Nguyễn Bá Bằng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị Nhun.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Nhun trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Hiếu và ông Nguyễn Bá Bằng số tiền 1.753.763.142 (Một tỷ, bảy trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn một trăm bốn mươi hai đồng)”.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí theo quy định.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 13/2022/DS-GDT ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/2022/QĐKNGDT-VKS-DS ngày 11/01/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

Từ năm 2011 đến 2013, bà Trương Thị Hiếu cho bà Phạm Thị Nhun vay tiền 25 lần, tổng cộng là 3.130.000.000 đồng. Bà Nhun thừa nhận đã vay số tiền nêu trên và cho rằng đã trả dư số tiền vay cho bà Hiếu 153.871.000 đồng. Bà Nhun cung cấp 31 tờ giấy thể hiện đã trả tiền cho bà Hiếu.

Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum chấp nhận 25 tờ chứng cứ do bà Nhun cung cấp với số tiền đã trả 2.247.388.000 đồng gồm gốc và lãi, không chấp nhận 06 tờ chứng cứ do bà Nhun cung cấp với số tiền 1.015.940.000 đồng. Nhun đối với 01 tờ giấy trả nợ ghi ngày 14/4/2012 số tiền 740.300.000 đồng, bà Nhun khai đã trả cho bà Hiếu, còn bà Hiếu cho rằng chưa nhận số tiền này, nhưng Giấy ngày 14/4/2012 do bà Hiếu ghi có nội dung: “*Tháng 3 + tháng 4 Hiếu đã nhận đủ số lãi 740.300.000 đồng, ngoài ra còn ghi chữ xong và ký tên, ngày 14/4/2012*”.

Toà án cấp phúc thẩm nhận định, bà Nhung trả cho bà Hiếu 740.300.000 đồng tiền lãi, nhưng do không rõ trả lãi cho khoản tiền gốc nào nên không chấp nhận số tiền này của bà Nhung là nhận định và đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, bởi vì bà Nhung đã trả cho bà Hiếu tiền lãi 740.300.000 đồng nên được cộng vào số tiền bà Nhung đã trả để xác định sau khi trừ hết tiền lãi, còn lại được trừ vào số tiền gốc cho bà Nhung mới đúng quy định. Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum không chấp nhận số tiền này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nhung.

Mặt khác, các hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trước ngày 01/01/2017 và đang thực hiện. Theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 2 và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phải áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết và cần áp dụng Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm từ ngày vay đến khi kết thúc thời hạn vay đối với số tiền gốc mà bị đơn vay của nguyên đơn là 3.130.000.000 đồng. Nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum lại áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi suất 20% là không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Trên đây là vi phạm của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum trong việc giải quyết vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thông báo đến Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành trong khu vực tham khảo và rút kinh nghiệm khi kiểm sát giải quyết vụ án tương tự, để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát.

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Quang Dũng - PVT VKSNDTC (b/cáo);
- Vụ 9, Vụ 14, VP VKSNDTC, VC1, VC3;
- VKSND các tỉnh, TP trong khu vực;
- Đ/c Viện trưởng VC2;
- Đ/c Hoàng - PVTVC2;
- Đ/c Thanh PVT phụ trách V2;
- Lưu: HSKS, V2, VPVC2.

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phan Vũ Hoàng